



Giải Đề Cương Môn Pháp Luật Đại  
Cương



## **Câu 1: Hãy phân tích nguồn gốc nhà nước theo quan điểm học thuyết Mac-Lenin?**

### **\*Nguồn gốc NN theo Mác:**

Các học giả theo quan điểm Mác - Lênin giải thích nguồn gốc NN bằng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, họ chỉ ra rằng NN không phải là 1 hiện tượng bất biến, vĩnh cửu mà nó là 1 phạm trù lịch sử, có quá trình phát sinh, phát triển và tiêu vong. NN là sản phẩm của XH, nó xuất hiện khi XH phát triển đến 1 trình độ nhất định và do những nguyên nhân khách quan, NN sẽ diệt vong khi những nguyên nhân khách quan ấy không còn nữa.

Lịch sử Xh loài người đã trải qua 1 thời kỳ chưa có NN, đó là chế độ công xã nguyên thủy. Đây là hình thái kinh tế XH đầu tiên của loài người. XH này chưa có giai cấp, chưa có NN nhưng nguyên nhân làm xuất hiện NN đã nảy sinh từ trong XH này. Vì vậy để giải thích nguồn gốc NN phải phân tích và tìm hiểu toàn diện về điều kiện KT-XH, cơ cấu tổ chức của XH công xã nguyên thủy.

Cơ sở KT của công xã nguyên thủy là chế độ sở hữu chung về tư liệu sản xuất và sản phẩm lao động. Mọi người đều bình đẳng trong sản xuất và sản phẩm lao động được phân chia theo nguyên tắc bình quân. Do đó XH không có người giàu, người nghèo, không phân chia giai cấp, không có đấu tranh giai cấp. Cơ sở kinh tế đó đã quy định hình thức tổ chức, quản lý của XH đó. XH công xã nguyên thủy được tổ chức rất đơn giản, thị tộc là tế bào, là cơ sở cấu thành XH. Thị tộc là hình thức tổ chức XH mang tính tự quản đầu tiên. Để tồn tại và phát triển thị tộc cần đến quyền lực và hệ thống quản lý để thực hiện quyền lực đó. Hệ thống quản lý của công xã thị tộc là Hội đồng thị tộc và Thủ trưởng.

- Hội đồng thị tộc là cơ quan quyền lực cao nhất của thị tộc bao gồm các thành viên đã trưởng thành.

- Thủ trưởng do Hội đồng thị tộc bầu ra, là người đứng đầu thị tộc, có thể bị bãi miễn nếu không còn đủ tín nhiệm.

Quyền lực trong tổ chức thị tộc là quyền lực XH do tất cả các thành viên tổ chức ra và phục vụ lợi ích của cả cộng đồng.

Tuy rằng trong XH công xã nguyên thủy chưa có NN nhưng quá trình vận động và phát triển của nó đã làm xuất hiện những tiền đề về vật chất cho sự tan rã của tổ chức thị tộc - bộ lạc và sự ra đời NN.

Trong quá trình sống và lao động sản xuất, con người ngày 1 phát triển hơn đã luôn tìm kiếm và cải tiến công cụ lao động làm cho năng suất lao động ngày càng tăng. Đặc biệt sự ra đời của công cụ lao động bằng kim loại làm cho sản xuất ngày càng phát triển, hoạt động kinh tế của XH trở nên phong phú và đa dạng đòi hỏi phải có sự chuyên môn hóa về lao động. Ở thời kỳ này diễn ra 3 lần phân công lao động:

- Chăn nuôi tách khỏi trồng trọt

- Thủ công nghiệp tách khỏi nông nghiệp

- Thương nghiệp phát triển hình thành tầng lớp thương nhân

Sau 3 lần phân công lao động thì năng suất lao động tăng lên, sản phẩm lao động làm ra cho XH ngày càng nhiều hơn dẫn đến sự dư thừa của cải so với nhu cầu tối thiểu cho sự tồn tại của con người. Một số người trong thị tộc lợi dụng ưu thế của mình để chiếm đoạt của cải dư thừa đó để biến thành tài sản riêng cho mình. Chế độ tư hữu đã hình thành trong XH và ngày càng trở nên rõ rệt hơn--> đây là

Xét về mặt XH, chế độ hôn nhân 1 vợ 1 chồng làm xuất hiện các gia đình. Gia đình trở thành 1 đơn vị kinh tế độc lập, dẫn đến sự phân chia người giàu, người

nghèo trong XH. Hơn nữa tù binh trong chiến tranh không bị giết như trước nữa mà được giữ lại để bóc lột sức lao động và trở thành nô lệ. Trong XH xuất hiện 2 giai cấp cơ bản là chủ nô và nô lệ. Giai cấp nô lệ bị áp bức, bóc lột luôn đấu tranh để giải phóng. Như vậy trong XH có sự phân chia thành các giai cấp đối kháng nhau. Mâu thuẫn giữa các giai cấp là không thể điều hòa được, vì vậy giai cấp làm quyền thống trị về kinh tế tổ chức ra 1 thiết chế quyền lực mới nhằm bảo vệ lợi ích của giai cấp mình, đồng thời duy trì trật tự và ổn định XH, thiết chế quyền lực đó cũng chính là NN--> đây là nguyên nhân XH dẫn đến sự ra đời của NN.

Như vậy NN xuất hiện do 2 nguyên nhân:

- Kinh tế: sự xuất hiện của chế độ tư hữu
- XH: sự xuất hiện của giai cấp và mâu thuẫn giai cấp.

NN xuất hiện 1 cách khách quan, nội tại trong lòng XH mà không phải do 1 lực lượng bên ngoài nào áp đặt vào XH

Kinh tế và XH là 2 nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của NN theo quan điểm học thuyết Mac Lênin. Tuy nhiên, không phải với nhiều nước trên thế giới đều xuất hiện do 2 nguyên nhân này mà phụ thuộc vào điều kiện, hoàn cảnh, kinh tế XH, vị trí, địa lý

#### **\*Các phương thức hình thành NN trong ls:**

- NN Aten: Là kết quả vận động của những nguyên nhân nội tại XH, do sự chiếm hữu tài sản và sự phân công hóa giai cấp trong XH, tổ chức thị tộc không còn thích hợp.

- NN Giecmannh: ra đời do nhu cầu phải thiết lập sự cai trị đối với vùng đất La Mã sau chiến thắng của người Giecmannh đối với đế chế La Mã cổ đại, vì thế mà NN ra đời.

- NN Roma: ra đời do sự thúc đẩy của cuộc đấu tranh giữa người bình dân sống ngoài các thị tộc Roma chống lại giới quý tộc của các thị tộc Roma.

- Sự ra đời của NN Phương Đông cổ đại: nhu cầu tự vệ và yêu cầu sx như khai khẩn đất đai, trị thủy..., đòi hỏi con người phải tập hợp lại trong 1 cộng đồng có sự liên hệ cao hơn gia đình và thị tộc, với 1 bộ máy có quyền lực tập trung, thống nhất hơn để điều hành và quản lý các công việc chung của cộng đồng đó là NN. NN VN cũng xuất hiện theo hình thức này vào khoảng TK 7-6 trước CN.

**\* Định nghĩa NN:** NN là 1 **tổ chức** đặc biệt của quyền lực chính trị, 1 bộ máy chuyên làm nhiệm vụ cưỡng chế và thực hiện các chức năng quản lý đặc biệt nhằm duy trì trật tự XH, bảo vệ địa vị và lợi ích của giai cấp thống trị trong XH có giai cấp.

#### **Câu 2: Phân tích khái niệm nhà nước? Nêu sự khác biệt cơ bản giữa nhà nước với các thiết chế chính trị khác trong xã hội?**

**\*Định nghĩa Nhà nước:** Nhà nước là một tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị, một bộ máy chuyên làm nhiệm vụ cưỡng chế và thực hiện các chức năng quản lý đặc biệt nhằm duy trì trật tự xã hội với mục đích bảo vệ địa vị của giai cấp thống trị trong xã hội.

#### **\*Đặc điểm của NN và sự khác biệt với các tổ chức khác: 5 đặc điểm**

Các NN trong ls có sự khác nhau về bản chất, nhưng đều có đặc điểm chung . Những đặc điểm của NN cho phép phân biệt NN với các tổ chức chính trị - XH do giai cấp thống trị tổ chức ra. Các đặc điểm đó là:

NN là 1 tổ chức quyền lực chính trị công cộng đặc biệt, thiết lập 1 quyền lực công

cộng đặc biệt tách ra khỏi XH (không hòa nhập vào dân cư như XH nguyên thủy) đó là quyền lực NN. Để thực hiện quyền lực này và quản lý XH, NN tạo ra lớp người chuyên làm nhiệm vụ quản lý, họ được tổ chức thành các cơ quan và hình thành nên bộ máy cưỡng chế để duy trì địa vị và bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị, buộc các giai cấp và tầng lớp dân cư trong XH phải phục tùng ý chí giai cấp thống trị.

- NN quản lý dân cư theo lãnh thổ, phân chia lãnh thổ thành các đơn vị hành chính. Việc phân chia này không phụ thuộc huyết thống, chính kiến, nghề nghiệp, giới tính... Đây là điểm khác biệt cơ bản giữa NN với các tổ chức chính trị XH khác. Trong thiết chế chính trị XH thì chỉ NN mới xác lập lãnh thổ của mình và chia lãnh thổ đó thành các bộ phận cấu thành nhỏ hơn: thành phố, tỉnh, huyện, xã...

- Nhà nước có chủ quyền quốc gia thể hiện ở quyền tự quyết của Nhà nước về tất cả các vấn đề của chính sách đối nội và chính sách đối ngoại, không phụ thuộc quyền lực bên ngoài. Trong thiết chế chính trị-xã hội, nhà nước là tổ chức duy nhất có chủ quyền quốc gia. Đây là thuộc tính không thể tách rời của NN. . - Nhà nước ban hành pháp luật và thực hiện quản lý bắt buộc với mọi công dân. Nhà nước là tổ chức duy nhất có quyền ban hành pháp luật, nhà nước và pháp luật là hai hiện tượng gắn bó hữu cơ với nhau không thể tách rời. Nhà nước có bộ máy cưỡng chế để đảm bảo cho pháp luật được thực hiện và thực hiện sự quản lý bắt buộc với mọi thành viên trong xã hội.

- Nhà nước quy định các loại thuế và thực hiện thu thuế dưới hình thức bắt buộc. Việc thu thuế nhằm tạo ra nguồn tài chính đảm bảo bộ máy nhà nước hoạt động, đáp ứng nhu cầu xã hội, đảm bảo việc thực hiện vai trò xã hội của nhà nước

### **Câu 3: Hãy phân tích bản chất nhà nước? Vài nét cơ bản về bản chất nhà nước Việt Nam ta hiện nay? \*Định nghĩa Nhà nước:**

Nhà nước là một tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị, một bộ máy chuyên làm nhiệm vụ cưỡng chế và thực hiện các chức năng quản lý đặc biệt nhằm duy trì trật tự xã hội với mục đích bảo vệ địa vị của giai cấp thống trị trong xã hội.

**\*Bản chất NN:** Khi nghiên cứu nguồn gốc Nhà nước ta thấy rằng nhà nước xuất hiện do 2 nguyên nhân: nguyên nhân kinh tế (sự xuất hiện chế độ tư hữu) và nguyên nhân xã hội (sự xuất hiện của giai cấp và mâu thuẫn giai cấp). Căn cứ vào đó có thể thấy bản chất nhà nước được thể hiện ở hai mặt, đó là tính giai cấp của nhà nước và vai trò xã hội.

#### **a) Tính giai cấp:**

- Trong xã hội có hai giai cấp cơ bản là giai cấp thống trị và giai cấp bị trị. Để thực hiện sự thống trị của mình, giai cấp thống trị phải tổ chức và sử dụng nhà nước, củng cố và duy trì quyền lực về chính trị, kinh tế, tư tưởng đối với toàn xã hội. Bằng nhà nước, giai cấp thống trị về kinh tế trở thành giai cấp thống trị về chính trị. Nhờ nắm trong tay quyền lực nhà nước, giai cấp thống trị đã thể hiện ý chí của mình qua nhà nước. Qua đó, ý chí của giai cấp thống trị trở thành ý chí của nhà nước, mọi thành viên trong xã hội buộc phải tuân theo, hoạt động trong một giới hạn và trật tự phù hợp với lợi ích của giai cấp thống trị.

- Như vậy, Nhà nước do giai cấp thống trị lập ra, là một bộ máy cưỡng chế đặc biệt, là công cụ duy trì sự thống trị của giai cấp thống trị, đàn áp giai cấp bị trị, bảo vệ địa vị và lợi ích của giai cấp thống trị. Đó chính là tính giai cấp của nhà nước.

#### b)Vai trò XH:

Nhà nước ra đời và tồn tại trong xã hội có giai cấp, bao gồm: giai cấp thống trị, giai cấp bị trị và các tầng lớp dân cư khác. Giai cấp thống trị tồn tại trong mối quan hệ với các giai cấp và tầng lớp khác. Ngoài phục vụ giai cấp thống trị, nhà nước còn giải quyết những vấn đề nảy sinh trong đời sống xã hội, đảm bảo trật tự chung, ổn định giá trị chung của xã hội để xã hội tồn tại và phát triển. Nhà nước bảo vệ lợi ích của giai cấp cầm quyền và giai cấp khác khi lợi ích đó không mâu thuẫn với nhau. Đó chính là tính xã hội của nhà nước. Tuy nhiên, biểu hiện cụ thể và mức độ thực hiện vai trò xã hội là khác nhau ở những kiểu nhà nước khác nhau, và ngay trong một kiểu nhà nước cũng khác nhau ở từng giai đoạn phát triển và tùy điều kiện kinh tế xã hội.

#### **\*Bản chất của nhà nước Việt Nam hiện nay:**

- Bản chất của nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thể hiện ở tính nhân dân của nhà nước, đó là "...nhà nước của dân, do dân và vì dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức". Nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước, quyền lực NN không nằm trong tay 1 cá nhân hay 1 nhóm người nào trong XH. Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước dưới nhiều hình thức, hình thức cơ bản nhất là thông qua Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp do nhân dân trực tiếp bầu ra.

- Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là tất cả các dân tộc sống trên lãnh thổ Việt Nam. Nhà nước được tổ chức và hoạt động trên cơ sở nguyên tắc bình đẳng trong mối quan hệ giữa công dân với nhà nước. Nhà nước ta là nhà nước dân chủ rộng rãi và thực sự. Dân chủ XH vừa là mục tiêu vừa là động lực của Cách mạng XHCN, là thuộc tính của NN XHCN.

#### **Câu 4: Khái niệm chức năng nhà nước? Các loại chức năng nhà nước?**

**\*Định nghĩa chức năng nhà nước:** Trong lý luận về nhà nước, chức năng nhà nước được hiểu là những phương hướng, phương diện hoặc những mặt hoạt động chủ yếu của nhà nước nhằm thực hiện các nhiệm vụ cơ bản của nhà nước.

#### **\*Hình thức và pp thực hiện chức năng NN:**

- Để thực hiện chức năng nhà nước, nhà nước phải lập ra bộ máy cơ quan nhà nước gồm nhiều cơ quan nhà nước khác nhau. Mỗi một cơ quan phải thực hiện nhiệm vụ của cơ quan ấy, đồng thời tất cả các cơ quan ấy phải phục vụ chung cho nhiệm vụ của nhà nước.

#### **a)Hình thức thực hiện chức năng NN:**

Để thực hiện chức năng nhà nước, có rất nhiều hình thức khác nhau, trong đó có 3 hình thức cơ bản:

- +Xây dựng pháp luật
- +Tổ chức thực hiện pháp luật
- +Bảo vệ pháp luật

3 hình thức này gắn kết với nhau chặt chẽ, tác dụng lẫn nhau, là tiền đề, điều kiện của nhau và đều nhằm phục vụ quyền lợi của giai cấp cầm quyền (trong XHCN là quyền lợi của toàn thể nhân dân lao động).◇

#### **b)PP thực hiện chức năng NN:**

Có 2 phương pháp để thực hiện chức năng của nhà nước là: thuyết phục hoặc

cưỡng chế. Việc nhà nước sử dụng phương pháp nào phụ thuộc bản chất nhà nước, cơ sở kinh tế-xã hội, mâu thuẫn giai cấp, tương quan lực lượng....

**\*Các loại chức năng nhà nước:**

Để phân loại chức năng nhà nước có nhiều tiêu chí khác nhau. Tuy nhiên căn cứ chủ yếu vào phạm vi hoạt động của nhà nước, ta có thể thành chia 2 loại: + Chức năng đối nội: những mặt hoạt động chủ yếu của nhà nước trong nội bộ đất nước.

**VD:** - Đảm bảo trật tự XH

- Trấn áp các phần tử chống đối
- Bảo vệ chế độ chính trị - XH

+ Chức năng đối ngoại: những phương hướng hoạt động cơ bản của nhà nước trong quan hệ quốc tế.

**VD:** - Phòng thủ đất nước

- Chống sự xâm nhập từ bên ngoài
- Thiết lập mối bang giao với các quốc gia khác.

Chức năng đối nội và đối ngoại có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, hỗ trợ, tác động lẫn nhau, trong đó chức năng đối nội giữ vai trò chủ đạo, có tính quyết định đối với chức năng đối ngoại. Việc thực hiện chức năng đối ngoại phải xuất phát từ chức năng đối nội và nhằm mục đích phục vụ chức năng đối nội.◊

**Câu 5: Hình thức nhà nước? Những vấn đề cơ bản về hình thức nhà nước Việt Nam ta hiện nay?**

**\*Định nghĩa hình thức nhà nước:**

- Hình thức nhà nước là cách thức tổ chức quyền lực nhà nước và những phương pháp thực hiện quyền lực nhà nước đó.

- *Hình thức nhà nước là khái niệm được cấu thành bởi 3 yếu tố: Chính thể, cấu trúc nhà nước, chế độ chính trị.*

**\*Các bộ phận cấu thành hình thức NN:**

**1) Hình thức chính thể:**

Là cách thức tổ chức, là trình tự thành lập ra cơ quan quyền lực tối cao của NN cũng như xác định mức độ tham gia của nhân dân vào việc thiết lập các cơ quan này.

**Có 2 loại:**

a) Chính thể quân chủ: là hình thức trong đó quyền lực tối cao của NN tập trung toàn bộ hoặc 1 phần vào người đứng đầu NN theo nguyên tắc kế vị. Gồm 2 loại:

- Chính thể quân chủ tuyệt đối: là hình thức trong đó quyền lực NN tập trung toàn bộ vào người đứng đầu NN

**VD:** Nhà vua trong NN phong kiến VN

- Chính thể quân chủ hạn chế: là hình thức trong đó người đứng đầu chỉ nắm 1 phần quyền lực, bên cạnh đó còn có cơ quan quyền lực khác, cơ quan quyền lực này được bầu ra trong 1 thời hạn nhất định.

**VD:** Nhà nước Bruney.

b) Chính thể cộng hòa: là hình thức trong đó quyền lực tối cao của NN tập trung vào 1 cơ quan được bầu ra trong 1 thời hạn nhất định.

Gồm 2 loại:

- Chính thể CH quý tộc: là hình thức chính thể trong đó quyền bầu cử ra cơ quan quyền lực tối cao của NN chỉ áp dụng với giai cấp quý tộc. Chế độ này ở NN chủ nô, phong kiến.

**VD:** NN Aten

- Chính thể CH dân chủ: là hình thức trong đó mà quyền bầu cử ra cơ quan quyền lực tối cao của NN được quy định với đại đa số nhân dân lao động trong XH.

**VD:** Nhà nước VN.

## **2) Cấu trúc NN:**

Là sự cấu tạo tổ chức NN thành các đơn vị hành chính lãnh thổ và tính chất, quan hệ giữa các bộ phận cấu thành NN với nhau, giữa các cơ quan NN ở TW với các cơ quan NN ở địa phương.

Bao gồm: NN đơn nhất và NN liên bang

a) NN đơn nhất: là NN có chủ quyền chung, có lãnh thổ toàn vẹn thống nhất.

Các bộ phận hợp thành NN:

- Các đơn vị hành chính – lãnh thổ không có chủ quyền.
- Hệ thống các cơ quan NN (cơ quan quyền lực, cq hành chính, cq cưỡng chế) thống nhất từ TW đến đp.
- Có 1 hệ thống pháp luật thống nhất trên toàn lãnh thổ.
- Công dân có 1 quốc tịch.

b) NN liên bang:

Gồm 2 hay nhiều NN thành viên hợp thành. Đặc điểm của NN liên bang:

- Có chủ quyền chung, đồng thời mỗi NN thành viên cũng có chủ quyền riêng.
- Có 2 hệ thống PL: của NN toàn liên bang và của NN thành viên.
- Công dân có 2 quốc tịch.
- Các NN thành viên có chủ quyền riêng nhưng thống nhất với nhau về mặt quốc phòng, đối ngoại, an ninh.

c) NN liên minh

Đây là sự liên kết tạm thời của 1 vài NN để thực hiện những mục đích nhất định, sau khi thực hiện xong mục đích, NN liên minh tự giải tán hoặc chuyển thành NN liên bang.

**VD:** Hợp chủng quốc Hoa Kỳ được hình thành 1776 – 1778.

## **3) Chế độ chính trị:**

Là tất cả những phương pháp và thủ đoạn mà NN sử dụng để thực hiện quyền lực NN.

+ Có nhiều pp và thủ đoạn khác nhau mà NN sử dụng, nhưng tự chung lại có 2 pp:

- PP dân chủ là pp khi thực hiện phù hợp ý chí, mục đích, nguyện vọng của đại đa số trong XH.
- PP phản dân chủ là pp khi thực hiện đi ngược lại nguyện vọng của đại đa số trong XH.

+ Tương ứng có 2 chế độ: chế độ dân chủ và chế độ phản dân chủ.

+ Chế độ chính trị phụ thuộc bản chất, nhiệm vụ, mục tiêu của NN và các đk về KT, chính trị - XH, tương quan lực lượng trong XH trong từng thời kỳ khác nhau.

## **Hình thức NN VN hiện nay:**

Về mặt chính thể là NN chính thể cộng hòa dân chủ với đặc trưng cơ bản là nhân dân. Có cấu trúc NN đơn nhất và trong chế độ chính trị thì NN luôn sử dụng phương pháp dân chủ để thực hiện quyền lực NN.

**Câu 6: Hãy nêu sự khác biệt cơ bản giữa hình thức chính thể quân chủ và chính thể công hòa?**

**Hình thức chính thể:** là cách thức tổ chức, trình tự thành lập và quan hệ của các cơ quan quyền lực nhà nước tối cao cũng như mức độ tham gia của nhân dân vào các cơ quan đó.

*Sự khác biệt cơ bản giữa hình thức chính thể quân chủ và chính thể cộng hòa:*

|                    | Hình thức chính thể quân chủ   | Hình thức chính thể cộng hòa  |
|--------------------|--|---|
| định nghĩa         | Là hình thức trong đó quyền lực tối cao của nhà nước tập trung toàn bộ hay 1 phần vào người đứng đầu nhà nước theo nguyên tắc kế vị<br>VD:Nhật, Brunei,... | Là hình thức trong đó quyền lực tối cao của nhà nước tập trung trong 1 cơ quan được bầu ra trong 1 thời hạn nhất định.<br>VD:Việt Nam,Mỹ. |
| Cách thức tổ chức  | Do 1 người, cá nhân tổ chức  | Do cơ quan tổ chức  |
| Trình tự thành lập | Theo nguyên tắc kế vị  | Theo bầu cử   |

**Câu 7: Cấu trúc nhà nước đơn nhất có gì khác biệt cơ bản so với các nhà nước liên bang?**

**Cấu trúc nhà nước:** là sự cấu tạo (tổ chức) nhà nước thành các đơn vị hành chính, lãnh thổ và tính chất quan hệ giữa các bộ phận cấu thành nhà nước với nhau, giữa các cơ quan nhà nước ở TW với các chính quyền nhà nước ở địa phương.

*Sự khác biệt cơ bản giữa cấu trúc NN đơn nhất và các NN liên bang:*

| Nhà nước đơn nhất  | Nhà nước liên bang   |
|--|--|
| Nhà nc đơn nhất: là nhà nc có chủ quyền chung, có lãnh thổ toàn vẹn thống nhất, các bộ phận hợp thành nhà nước:các đơn vị hành chính lãnh thổ và tính chất quan hệ giữ các bộ phận cấu thành nhà nước ở TW với các cơ quan nhà nước ở địa phg<br>VD:Lào, VN, TQ,.... | Nhà nước liên bang: gồm 2 hay nhiều nc thành viên hợp thành. Nhà nc LB có chủ quyền chung đồng thời mỗi thành viên cũng có chủ quyền riêng, có 2 hệ thống chính quyền nhà nc, 2hệ thống pháp luật, công dân có 2 quốc tịch<br>VD:Mỹ, Liên Xô(cũ),... |
| Gồm 1 nhà nước   | Gồm 2 hay nhiều nhà nc thành viên hợp thành  |
| Có chủ quyền chung, có lãnh thổ toàn vẹn thống nhất.   | Có chủ quyền chung đồng thời mỗi thành viên cũng có chủ quyền riêng  |
| Có 1 hệ thống cơ quan nhà nước, có 1 hệ thống pháp luật  | Có 2hệ thống chính quyền nhà nước, 2 hệ thống pháp luật  |
| Công dân có 1 quốc tịch  | Công dân có 2 quốc tịch  |



### **Câu 8: Phân tích khái niệm bộ máy nhà nước?**

#### **\*Định nghĩa bộ máy nhà nước:**

Bộ máy nhà nước là hệ thống các cơ quan nhà nước từ TW đến địa phương được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc chung, thống nhất nhằm thực hiện những nhiệm vụ và chức năng của nhà nước, vì lợi ích của giai cấp thống trị.

#### **\*Đặc điểm của bộ máy nhà nước:**

##### **4 đặc điểm**

Mỗi kiểu NN có 1 cách thức tổ chức bộ máy NN riêng tùy thuộc vào bản chất giai cấp, nhiệm vụ, chức năng và mục tiêu hoạt động của NN cũng như các đk hoàn cảnh về IS, VH, truyền thống dân tộc, tương quan lực lượng chính trị trong XH.

Tuy nhiên tất cả các bộ máy NN đều có những đặc điểm chung như sau:

+Bộ máy nhà nước là công cụ chuyên chính của giai cấp thống trị về kinh tế, chính trị, tư tưởng trong xã hội, bảo vệ trước hết lợi ích của giai cấp cầm quyền.

+Bộ máy nhà nước nắm giữ đồng thời 3 loại quyền lực trong xã hội: quyền lực kinh tế, quyền lực chính trị, quyền lực tinh thần.

+Bộ máy nhà nước sử dụng pháp luật - phương tiện có hiệu lực nhất để quản lý xã hội và việc quản lý này được tiến hành chủ yếu dưới 3 hình thức pháp lý cơ bản: xây dựng pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật và bảo vệ pháp luật.

+Bộ máy nhà nước vận dụng 2 phương pháp chung cơ bản là thuyết phục và cưỡng chế để quản lý xã hội (phụ thuộc bản chất của nhà nước...)

--> Bộ máy NN không phải là tập hợp đơn giản các cq NN mà là 1 hệ thống thống nhất các cq NN, có sự liên hệ chặt chẽ, tác động qua lại lẫn nhau, hỗ trợ nhau cùng thực hiện những mục tiêu chung.

#### **\*Cơ quan NN:**

Là bộ phận cấu thành bộ máy NN, là 1 tổ chức chính trị có tính độc lập tương đối về cơ cấu tổ chức, bao gồm 1 nhóm công chức được NN giao cho những quyền hạn và nghĩa vụ nhất định.

Đặc điểm cơ bản của cơ quan NN:

- Tính quyền lực NN: thể hiện ở thẩm quyền được NN trao mà tiêu biểu nhất là quyền ban hành những văn bản pháp luật.

- Tính bắt buộc phải thi hành đối với cá nhân, tổ chức, cơ quan NN có liên quan.

### **Câu 9: Bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam theo quy định của Hiến pháp 1992 sửa đổi (Nguyên tắc tổ chức và hoạt động, các cơ quan cấu thành)**

#### **\*Nguyên tắc tổ chức và hoạt động:**

- Bảo đảm sự lãnh đạo của ĐCS đối với bộ máy NN.- Tập trung dân chủ.

- Nguyên tắc pháp chế XHCN.

- Bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc. Thu hút nhân dân tham gia ngày càng đông đảo vào bộ máy Nhà nước.

#### **\*Các cơ quan trong bộ máy NN VN theo HP 1992:**

a) Các cơ quan quyền lực NN: Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp.

- Quốc hội: là cơ quan quyền lực NN cao nhất do nhân dân trực tiếp bầu ra với

nhệm kì 5 năm, chịu trách nhiệm trước ND. Chức năng QH là cq duy nhất có quyền lập hiến, lập pháp, quyết định những vấn đề trọng đại nhất của quốc gia, bầu ra các cq NN khác ở TW và giám sát toàn bộ hoạt động của các cq NN.

- HĐND: là cq quyền lực NN ở địa phương được tổ chức ở 3 cấp, tỉnh huyện, xã.

b) Chủ tịch nước: là người đứng đầu NN thay mặt NN về đối nội và đối ngoại do QH bầu ra trong số các đại biểu QH.

c) Các cơ quan quản lý NN: gồm chính phủ và các UBND.

+ Chính phủ: là cq chấp hành của QH, cq hành chính NN cao nhất của nước CH XHCN VN.

- Đứng đầu là thủ tướng chính phủ do QH bầu trong số các đại biểu QH.

- Cơ cấu tổ chức: CP bao gồm các bộ và cq ngang bộ là các cq chuyên môn quản lý từng ngành, lĩnh vực cụ thể.

+ UBND là cq hành chính NN ở địa phương được tổ chức ở 3 cấp, tỉnh huyện, xã.

d) Cơ quan xét xử:

- Thay mặt NN xét xử các vụ việc.

- Đứng đầu là Tòa án nhân dân tối cao, thấp hơn về phía dân sự thì là TAND cấp tỉnh --> TAND cấp huyện, còn về phía quân sự là TA quân sự TW --> TA quân sự quân khu và tương đương --> TA quân sự khu vực.

e) Các cơ quan kiểm sát

- Chức năng: các cq kiểm sát hoạt động tư pháp và thực hiện quyền công tố.

- Đứng đầu là Viện kiểm sát nhân dân tối cao, thấp hơn về phía dân sự là VKSND cấp tỉnh --> VKSND cấp huyện, còn về phía quân sự là VKS quân sự TW --> VKS quân sự quân khu và tương đương --> VKS quân sự khu vực.

## **Câu 10: Pháp luật là gì? Phân tích các thuộc tính của pháp luật?**

### ***\*Định nghĩa Pháp luật:***

Pháp luật là hệ thống những qui tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận và đảm bảo thực hiện, thể hiện ý chí của giai cấp thống trị và là nhân tố điều chỉnh các quan hệ xã hội pháp triển phù hợp với lợi ích của giai cấp mình.

### ***\*Các thuộc tính của Pháp luật:***

- **Tính bắt buộc chung** (tính qui phạm phổ biến): Trước hết, qui phạm được hiểu là những qui tắc xử sự chung, được coi là khuôn mẫu, chuẩn mực, mực thước đối với hành vi của 1 phạm vi cá nhân, tổ chức. Pháp luật được biểu hiện cụ thể là những qui phạm pháp luật. Do vậy nó cũng là qui tắc xử sự chung cho phạm vi cá nhân hoặc tổ chức nhất định. Pháp luật được Nhà nước ban hành hay thừa nhận không chỉ dành riêng cho một cá nhân, tổ chức cụ thể mà áp dụng cho tất cả các chủ thể. Tuy nhiên, điểm khác biệt giữa Pháp luật với các loại qui phạm khác ở chỗ: Pháp luật là qui tắc xử sự mang tính bắt buộc chung.

**VD:** Pháp luật qui định: mọi chủ thể kinh doanh phải nộp thuế.

- **Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức:** Yêu cầu của pháp luật là phải xác định chặt chẽ về mặt hình thức, được biểu hiện ở:

+Lời văn: phải chính xác, cụ thể, dễ hiểu, không đa nghĩa. Nếu không đúng được yêu cầu này, chủ thể sẽ hiểu sai, hiểu khác.

+Pháp luật do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận và thông qua cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành. Tuy nhiên mỗi một cơ quan/ loại cơ quan chỉ

được ban hành những loại văn bản nhất định có tên gọi xác định và theo một trình tự, thủ tục nhất định.

**VD:** Hiến pháp, bộ luật: Quốc hội mới có quyền ban hành Nghị định: Chính phủ mới có quyền ban hành

Sự xác định chặt chẽ trong cấu trúc của Pháp luật.

- **Tính đảm bảo được thực hiện bằng Nhà nước:** Pháp luật do Nhà nước ban hành và thừa nhận đồng thời Nhà nước sẽ đảm bảo cho Pháp luật đó được thực hiện trong thực tiễn đời sống. Sự đảm bảo đó được thể hiện:  
+ Nhà nước tạo điều kiện khuyến khích giúp đỡ để chủ thể thực hiện pháp luật.  
+ Nhà nước đảm bảo cho Pháp luật được thực hiện bằng sức mạnh cưỡng chế của Nhà nước.

Tính cưỡng chế là tính không thể tách rời khỏi Pháp luật. Mục đích cưỡng chế và cách thức cưỡng chế là tùy thuộc bản chất Nhà nước.

### **Đặc điểm của pháp luật:**

- PL thể hiện ý chí của giai cấp thống trị.
- PL là hệ thống những quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung.
- PL do Nhà nước đặt ra và bảo vệ.

### **Câu 11: Hãy phân tích mối liên hệ giữa pháp luật với các hiện tượng xã hội khác (Nhà nước, kinh tế, các quy phạm xã hội khác)?**

#### **a) Pháp luật và kinh tế:**

- Mối quan hệ này chính là mối quan hệ giữa kiến trúc thượng tầng và cơ sở hạ tầng. Kinh tế là yếu tố quyết định. Nó được thể hiện ở 2 khía cạnh:  
+ Kinh tế là nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của pháp luật.  
+ Kinh tế quyết định toàn bộ đến nội dung, đến sự phát triển của pháp luật.
- Một đất nước có nền kinh tế phát triển mạnh mẽ thì bao giờ pháp luật cũng rất chặt và mạnh mẽ.
- Ngược lại, pháp luật không bị chi phối 1 cách tuyệt đối, mà nó có tính độc lập tương đối, nó có sự tác động trở lại đối với kinh tế. Sự tác động này xảy ra ở 2 khả năng:  
+ Pháp luật sẽ thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế nếu những pháp luật đó là tiến bộ và phù hợp với sự phát triển của kinh tế.  
+ Pháp luật sẽ kìm hãm sự phát triển của nền kinh tế nếu những pháp luật đó là lạc hậu, lỗi thời so với sự phát triển của nền kinh tế hay đi quá xa so với sự phát triển của kinh tế.

#### **b) Mối liên hệ giữa pháp luật và NN:**

- NN sử dụng pháp luật để củng cố, thiết lập, tăng cường quyền lực NN.
  - NN ban hành pháp luật.
  - NN sử dụng pháp luật là công cụ hữu hiệu để quản lý XH
- Quyền lực NN chỉ được tăng cường khi hệ thống PL hoàn thiện, ngược lại pháp luật do NN ban hành thể hiện ý chí của NN và được NN đảm bảo thực hiện, trong đó có các biện pháp cưỡng chế NN.
- NN và pháp luật là 2 hiện tượng thuộc kiến trúc thượng tầng không thể tồn tại tách rời nhau, NN không thể tồn tại thiếu PL vì khi đó quyền lực NN không được củng cố, thiết lập, tăng cường. Không có NN thì PL không được thực hiện

#### **c) Pháp luật và các quy phạm XH khác:**

Pháp luật là hạt nhân của hệ thống quy phạm XH khác:

- Pháp luật tác động mạnh mẽ tới các quy phạm XH. Pháp luật có nội dung tiến

bộ ảnh hưởng tích cực tới đạo đức XH, tập quán, truyền thống; pháp luật có nội dung lạc hậu sẽ ảnh hưởng ngược lại.

Những quy tắc đạo đức tập quán quan trọng, tốt, có giá trị đa phần có thể được ban hành thành những quy phạm pháp luật.

- Các quy phạm của tổ chức XH phải phù hợp không được trái với pháp luật. Vì pháp luật là ý chí chung mang tính nhà nước còn quy phạm của tổ chức XH chỉ mang ý chí của cộng đồng trong XH nên phải phục tùng ý chí chung của NN.

### **Câu 12: Hình thức pháp luật là gì? Trình bày những nét cơ bản về hình thức pháp luật. Hình thức pháp luật Việt Nam ta hiện nay?**

#### ***\*Định nghĩa hình thức Pháp luật:***

. Hình thức Pháp luật được hiểu là cách thức thể hiện ý chí của giai cấp thống trị. Nó là dạng tồn tại, hình thức tồn tại thực tế của Pháp luật, đồng thời là ranh giới tồn tại của Pháp luật trong hệ thống các qui phạm xã hội khác.

#### ***\*Nét cơ bản về hình thức Pháp luật:***

Hình thức Pháp luật bao gồm hình thức bên trong (cấu trúc Pháp luật) và hình thức bên ngoài (nguồn của Pháp luật).

a) Hình thức bên trong: Hệ thống pháp luật -> ngành luật --> chế định pháp luật -> quy phạm pháp luật.

- *Qui phạm Pháp luật:* là qui tắc xử sự mang tính bắt buộc chung, là cơ sở tế bào, là đơn vị nhỏ nhất và là biểu hiện cụ thể của Pháp luật. Qui phạm là công cụ tác động trực tiếp lên các quan hệ xã hội.

- *Chế định Pháp luật:* là hệ thống các qui phạm Pháp luật điều chỉnh một nhóm các quan hệ xã hội cùng loại trong cùng một ngành luật.

**VD:** Chế định hợp đồng kinh tế nằm trong ngành luật kinh tế, điều chỉnh các quan hệ ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế.

- *Ngành luật:* là hệ thống các qui phạm Pháp luật điều chỉnh một lĩnh vực xã hội cùng tính chất với nhau.

**VD:** Ngành luật hình sự: điều chỉnh những hành vi nguy hiểm cho XH bị coi là tội phạm và pp điều chỉnh nó là trừng phạt. Vì vậy người ta gọi ngành luật là tội phạm và hình phạt .

- *Hệ thống Pháp luật:* là 1 chính thể thống nhất các bộ phận hợp thành (ngành luật, chế định pháp luật, quy phạm pháp luật) mang những đặc điểm nội dung trên cơ sở những nguyên tắc thống nhất của pháp luật 1 quốc gia.

b) Hình thức bên ngoài:

- *Tập quán pháp:* là những tập quán lưu truyền trong xã hội phù hợp với lợi ích của giai cấp thống trị, được Nhà nước thừa nhận, làm chúng trở thành những qui tắc xử sự mang tính bắt buộc chung và được Nhà nước đảm bảo thực hiện bằng hình thức cưỡng chế.

- *Tiền lệ pháp:* là các quy định, cách giải quyết các vụ việc của cơ quan hành chính hoặc xét xử được Nhà nước thừa nhận là khuôn mẫu để giải quyết những vụ việc tương tự.

- *Văn bản qui phạm Pháp luật:* Do các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành, trong đó chứa đựng những quy phạm pháp luật. Nó được coi là loại nguồn cơ bản phổ biến và tiến bộ nhất hiện nay

--> Pháp luật VN nói riêng và pháp luật XHCN nói chung chỉ thừa nhận 1 loại nguồn, đó là văn bản quy phạm pháp luật, trừ những trường hợp đặc biệt thì 2 loại nguồn kia mới được chấp nhận.

#### **\*Hình thức pháp luật Việt Nam ta hiện nay**

- Hình thức bên trong:

PL nước ta hiện nay phân chia ra làm caá ngành luật: 11 ngành. Có chế định pháp luật, ban hành PL. NNVN hiện nay rất quan tâm đến vấn đề xây dựng, sửa đổi, ban hành PL (được đề ra trong tất cả các kì họp QH)

-Hình thức bên ngoài:

Chỉ thừa nhận và ban hành PL từ 1 nguồn duy nhất đó là văn bản quy phạm PL, không thừa nhận tập quán pháp và tiền lệ pháp.

### **Câu 13: Nêu định nghĩa quy phạm pháp luật? Các bộ phận cấu thành của quy phạm pháp luật? Cho ví dụ minh họa?**

#### ***\*Định nghĩa qui phạm Pháp luật:***

Quy phạm Pháp luật là qui tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận. Thể hiện ý chí của giai cấp thống trị và được Nhà nước đảm bảo thực hiện nhằm điều chỉnh các quan hệ trong xã hội.

#### ***\*Các bộ phận cấu thành qui phạm Pháp luật:***

- **Giả định:** là một bộ phận của qui phạm Pháp luật. Trong đó nêu lên những điều kiện, hoàn cảnh, địa điểm, không gian, thời gian, những tình huống, khả năng mà những chủ thể sẽ xảy ra trong thực tiễn cuộc sống.

**VD:** - Mọi cá nhân, tổ chức tiến hành hoạt động kinh doanh thì phải nộp thuế.

“ Mọi cá nhân, tổ chức tiến hành hoạt động kinh doanh” là bộ phận giả định.

Giả định là 1 bộ phận không thể thiếu của 1 quy phạm pháp luật. Vì nếu thiếu bộ phận này thì chúng ta không thể xác định được chủ thể nào, trong tình huống nào, điều kiện hoàn cảnh nào sẽ chịu sự điều chỉnh của pháp luật.

- **Quy định:** là một bộ phận của qui phạm Pháp luật, trong đó nêu lên cách xử sự mà Nhà nước đặt ra đối với các chủ thể khi các chủ thể rơi vào điều kiện, hoàn cảnh đã nêu trong phần giả định của qui phạm Pháp luật.

**VD:** - Mọi cá nhân, tổ chức tiến hành hoạt động kinh doanh thì phải nộp thuế.

“ phải nộp thuế” là bộ phận qui định.

Bộ phận quy định là 1 bộ phận trung tâm của quy phạm pháp luật và không thể thiếu trong 1 quy phạm pháp luật. Bởi lẽ nếu thiếu bộ phận này thì các chủ thể không thể biết được những đòi hỏi của NN đối với mình khi mình rơi vào điều kiện hoàn cảnh đã được pháp luật dự liệu.

- **Chế tài:** là một bộ phận của qui phạm Pháp luật, trong đó nêu lên các biện pháp mà Nhà nước dự kiến sẽ tác động lên các chủ thể khi chủ thể đó không thực hiện hoặc thực hiện không đúng với cách xử sự mà đã được ghi trong qui định của qui phạm Pháp luật.

**VD:** Người nào thực hiện hành vi giết người thì bị phạt tù từ A năm đến B năm.” bị phạt tù từ A năm đến B năm” là bộ phận chế tài.

### **Câu 14: Phân tích khái niệm quan hệ pháp luật? Điều kiện để xuất hiện một quan hệ pháp luật?**

Trong XH luôn tồn tại mối quan hệ giữa các chủ thể, người ta gọi đó là quan hệ XH, quan hệ XH diễn ra ở nhiều lĩnh vực nhưng cơ bản là ở lĩnh vực vật chất và tinh thần, các quan hệ này cần thiết phải có sự điều chỉnh nếu không các quan hệ sẽ phát triển tự nhiên dẫn đến lệch lạc có thể không theo hướng thỏa mãn giai cấp thống trị. Các quan hệ XH phong phú nên cần dùng nhiều loại quy phạm điều chỉnh: đạo đức, phong tục tập quán, tôn giáo tín ngưỡng, qui phạm pháp luật...

Hiệu quả tác động của các quy phạm pháp luật lên các quan hệ XH là khác nhau, trong đó việc dùng pháp luật để tác động lên các quan hệ XH là thu được kết quả cao nhất, nó làm cho các chủ thể tham gia vào quan hệ đó được hưởng những quyền và gánh vác nghĩa vụ, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể mang tính pháp lý.

**\*Định nghĩa quan hệ pháp luật:**

Quan hệ pháp luật là quan hệ xã hội được qui phạm pháp luật điều chỉnh. Nó làm cho các chủ thể tham gia vào quan hệ đó được hưởng những quyền và phải gánh vác những nghĩa vụ nhất định. Những quyền và nghĩa vụ của các chủ thể đó được nhà nước đảm bảo thực hiện.

**\*Đặc điểm của quan hệ pháp luật:**

- Quan hệ pháp luật là loại quan hệ tư tưởng của kiến trúc thượng tầng.
- Quan hệ pháp luật là quan hệ mang tính ý chí và được thể hiện:
  - + Ý chí của các chủ thể tham gia vào quan hệ đó (cụ thể là các quan hệ hợp đồng. VD: quan hệ mua bán của 2 bên)
  - + Ý chí của nhà nước: Quan hệ pháp luật là quan hệ xã hội được quy phạm pháp luật điều chỉnh mà quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành và thể hiện ý chí của nhà nước.

Trong một số quan hệ pháp luật đặc biệt thì nhà nước tham gia với tư cách là một chủ thể và việc tham gia vào quan hệ đó là hoàn toàn thể hiện ý chí của nhà nước. (VD: Nhà nước tham gia xử các vụ án vi phạm pháp luật giết người)

- Quan hệ pháp luật xuất hiện trên cơ sở của quy phạm pháp luật. Quan hệ pháp luật là quan hệ xã hội được quy phạm pháp luật điều chỉnh. Như vậy, một quan hệ xã hội chỉ trở thành quan hệ pháp luật khi có một quy phạm pháp luật tác động lên quan hệ đó và như vật chúng ta có thể hiểu: Quan hệ pháp luật chính là hình thức pháp lý của quan hệ xã hội.
- Quan hệ pháp luật được tạo bởi những quyền và nghĩa vụ của chủ thể khi các chủ thể tham gia vào quan hệ đó tức là khi tham gia vào một quan hệ xã hội được điều chỉnh thì các chủ thể sẽ được hưởng những quyền và phải gánh vác những nghĩa vụ nhất định. Những quyền và nghĩa vụ của các chủ thể đó sẽ được nhà nước đảm bảo thực hiện.

**\*Điều kiện để xuất hiện một quan hệ pháp luật:**

Hội đủ 3 điều kiện sau thì sẽ xuất hiện quan hệ pháp luật:

- Chủ thể pháp luật
- Quy phạm pháp luật
- Sự kiện pháp lý

**Câu 15: Điều kiện để các tổ chức, cá nhân trở thành chủ thể quan hệ pháp luật?**

**\*Định nghĩa quan hệ pháp luật:**

Quan hệ pháp luật là quan hệ xã hội được qui phạm pháp luật điều chỉnh. Nó làm cho các chủ thể tham gia vào quan hệ đó được hưởng những quyền và phải gánh vác những nghĩa vụ nhất định. Những quyền và nghĩa vụ của các chủ thể đó được nhà nước đảm bảo thực hiện.

**\*Định nghĩa chủ thể:** Chủ thể của quan hệ pháp luật là các bên tham gia vào quan hệ xã hội được pháp luật điều chỉnh và khi đó sẽ được hưởng những quyền và phải gánh vác những nghĩa vụ nhất định.

**\*Điều kiện để các tổ chức, cá nhân trở thành chủ thể quan hệ pháp luật:**

Chủ thể bao gồm tổ chức và các cá nhân.

+Tổ chức:

- Được NN thành lập hoặc NN cho phép thành lập 1 cách hợp pháp.
- Có cơ cấu tổ chức chặt chẽ.
- Có tài sản riêng thuộc quyền sở hữu của mình hoặc do NN giao cho để thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình.
- Tự nhân danh mình tham gia vào các qhpl, tự chịu trách nhiệm trong phạm vi tài sản của mình.

+ Cá nhân:- Công dân VN.

- Người nước ngoài
- Người không quốc tịch

Tuy nhiên để tham gia vào các quan hệ pháp luật thì tổ chức, cá nhân phải đáp ứng điều kiện: Các tổ chức, cá nhân phải có năng lực chủ thể. Năng lực chủ thể bao gồm năng lực pháp luật và năng lực hành vi:

+*Năng lực pháp luật*: là khả năng của chủ thể có được các quyền chủ thể và nghĩa vụ pháp lý mà NN thừa nhận.

- Đối với cá nhân năng lực pháp luật được xuất hiện khi cá nhân đó sinh ra và năng lực đó mất đi khi cá nhân đó chết.

- Đối với tổ chức thì năng lực pháp luật được xuất hiện khi tổ chức đó thành lập 1 cách hợp pháp.

+*Năng lực hành vi*: là khả năng của chủ thể, khả năng này được NN thừa nhận, bằng hành vi của mình thực hiện trên thực tế các quyền chủ thể mà nghĩa vụ pháp lý, tức là tham gia vào các quan hệ pháp luật.

- Đối với cá nhân năng lực hành vi xuất hiện khi cá nhân đó đạt đến độ tuổi nhất định. Tùy từng quan hệ khác nhau thì độ tuổi đó khác nhau.

**VD:** Quan hệ lao động: 15 tuổi

Quan hệ dân sự: 18 tuổi.

Ngoài độ tuổi ra năng lực hành vi của mỗi cá nhân được xác định trên khả năng nhận thức.

### **Câu 16: Nêu định nghĩa thực hiện pháp luật? Các hình thức thực hiện pháp luật? Cho ví dụ minh họa?**

**\*Định nghĩa thực hiện pháp luật:**

Thực hiện pháp luật là quá trình hoạt động có mục đích mà các chủ thể pháp luật bằng hành vi của mình thực hiện các qui định pháp luật trong thực tế đời sống.

**\*Các hình thức thực hiện pháp luật:**

+ Tuân thủ pháp luật: là hình thức thực hiện những qui phạm pháp luật mang tính chất ngăn cấm bằng hành vi thụ động, trong đó các chủ thể pháp luật kiểm chế không làm những việc mà pháp luật cấm.

**VD:** một công dân không thực hiện những hành vi tội phạm được qui định trong bộ luật hình sự, tức là công dân đó tuân thủ những qui định của bộ luật này.

+ Thi hành pháp luật: là hình thức thực hiện những qui định trao nghĩa vụ bắt buộc của pháp luật một cách tích cực trong đó các chủ thể thực hiện nghĩa vụ của mình bằng những hành động tích cực.

**VD:** một người thấy người khác đang lâm vào tình trạng có thể nguy hiểm đến tính mạng và người đó cứu giúp, tức là người đó đã bằng hành động tích cực thi hành qui định về nghĩa vụ công dân của pháp luật nói chung và của luật hình sự nói riêng.

+ Sử dụng pháp luật: là hình thức thực hiện những qui định về quyền chủ thể của pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật chủ động, tự mình quyết định việc

thực hiện hay không thực hiện điều mà pháp luật cho phép.

- Như vậy hình thức này khác với 2 hình thức trên ở chỗ chủ thể không bị buộc không được làm hoặc phải làm một việc nào đó mà được tự do lựa chọn theo ý chí của mình.

**VD:** việc thực hiện các quyền bầu cử và ứng cử, quyền khiếu nại và tố cáo...

+ **Áp dụng pháp luật:** là hình thức thực hiện pháp luật, trong đó nhà nước thông qua cơ quan có thẩm quyền hoặc nhà chức trách tổ chức cho các chủ thể pháp luật thực hiện những qui định pháp luật hoặc chính hành vi của mình căn cứ vào những qui định của pháp luật để ra các quyết định làm phát sinh, thay đổi, đình chỉ hay chấm dứt một quan hệ pháp luật.

**VD:** cơ quan NN có thẩm quyền áp dụng pháp luật tuyên phạt

### **Câu 17: Phân tích khái niệm áp dụng pháp luật? Các trường hợp áp dụng pháp luật? Cho ví dụ?**

#### ***\*Định nghĩa áp dụng pháp luật:***

Áp dụng pháp luật: là hình thức thực hiện pháp luật, trong đó nhà nước thông qua cơ quan có thẩm quyền hoặc nhà chức trách tổ chức cho các chủ thể pháp luật thực hiện những qui định pháp luật hoặc chính hành vi của mình căn cứ vào những qui định của pháp luật để ra các quyết định làm phát sinh, thay đổi, đình chỉ hay chấm dứt một quan hệ pháp luật.

#### ***\*Đặc điểm áp dụng pháp luật:***

+ Áp dụng pháp luật là hoạt động điều chỉnh cá biệt đối với một chủ thể và trong một quan hệ nhất định.

+ Áp dụng pháp luật là hoạt động thể hiện tính quyền lực nhà nước. Mỗi một cơ quan, loại cơ quan, mỗi cán bộ chỉ được áp dụng pháp luật trong một phạm vi nhất định mà nhà nước đã qui định.

**VD:** Cảnh sát giao thông được xử phạt vi phạm hành chính nhưng chỉ trong giao thông.

+ Áp dụng pháp luật là hoạt động đòi hỏi tính sáng tạo của người áp dụng pháp luật.

+ Áp dụng pháp luật là hoạt động tuân theo trình tự thủ tục chặt chẽ mà trình tự thủ tục này đã được pháp luật qui định.

#### ***\*Các trường hợp áp dụng pháp luật:***

+ Khi có vi phạm pháp luật xảy ra.

**VD:** cảnh sát giao thông áp dụng pháp luật để xử phạt.♦1 người vượt đèn đỏ

+ Khi có tranh chấp về quyền và nghĩa vụ pháp lý mà các chủ thể không tự giải quyết được.

**VD:** 2 công ty ký hợp đồng, có xảy ra tranh chấp không tự giải quyết được. Khi đó nhà nước căn cứ vào qui định pháp luật để đứng ra giải quyết.

+ Khi các qui định của pháp luật không thể mặc nhiên được thực hiện bởi các chủ thể khác nếu không có sự can thiệp mang tính tổ chức của nhà nước.

**VD:** 1 công dân với những điều kiện nhất định thì theo qui định của pháp luật có thể thành lập công ty tư nhân, nhưng nhất thiết phải có quyết định cho phép mở công ty của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

+ Trong trường hợp nhà nước thấy cần thiết phải tham gia vào một số quan hệ pháp luật cụ thể với mục đích kiểm tra, giám sát nhằm đảm bảo tính đúng đắn của hành vi các chủ thể hay xác nhận sự tồn tại hay không tồn tại của một sự kiện.

**VD:** xác nhận di chúc, đăng ký kết hôn...



**Câu 18: Nêu định nghĩa vi phạm pháp luật? Dấu hiệu nhận biết? Các bộ phận cấu thành?**

**\*Định nghĩa vi phạm pháp luật:**

Vi phạm pháp luật là hành vi trái luật và có lỗi do chủ thể có năng lực hành vi thực hiện làm xâm hại đến các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.

**\*Các dấu hiệu nhận biết:**

+ Vi phạm pháp luật là hành vi ( biểu hiện ra bên ngoài, ra thế giới khách quan), nó có thể tồn tại dưới dạng hành động, không hành động. Mọi suy nghĩ của con người không bao giờ được coi là vi phạm pháp luật.

+ Vi phạm pháp luật là hành vi phải trái với yêu cầu cụ thể của pháp luật.

Biểu hiện: -Làm những gì pháp luật cấm

-Không làm những gì mà pháp luật yêu cầu.

-Sử dụng quyền mà pháp luật trao nhưng vượt quá giới hạn.

Đây là hành vi mà chủ thể không xử sự hoặc xử sự không đúng với yêu cầu của pháp luật.

+ Có lỗi của người vi phạm. (Lỗi là khả năng nhận thức và là trạng thái tâm lý của chủ thể về hành vi và hậu quả của hành vi trái pháp luật). 1 hành vi trái luật chỉ được coi là vi phạm pháp luật khi có lỗi của chủ thể thực hiện hành vi đó.

+ Hành vi đó phải được thực hiện bởi chủ thể có năng lực hành vi.

--> Tóm lại, một hành vi bị coi là vi phạm pháp luật khi hành vi đó phải đáp ứng được đầy đủ 4 dấu hiệu trên.

**\*Các bộ phận cấu thành vi phạm pháp luật:**

- Mặt chủ quan: được hiểu là những yếu tố bên trong của chủ thể thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Bao gồm lỗi cố ý trực tiếp, lỗi cố ý gián tiếp, lỗi vô ý do quá tự tin, lỗi vô ý do cẩu thả.

- Mặt khách quan: gồm các dấu hiệu hành vi trái pháp luật, hậu quả, quan hệ nhân quả, địa điểm, thời gian, phương tiện vi phạm

- Chủ thể của vi phạm pháp luật phải có năng lực hành vi.

- Khách thể: là quan hệ XH bị xâm hại. Tính chất của khách thể là tiêu chí quan trọng để xác định mức độ nguy hiểm của hành vi.

**Câu 19: Căn cứ để xác định lỗi trong vi phạm pháp luật? Phân biệt lỗi cố ý trực tiếp với lỗi cố ý gián tiếp?**

**\*Căn cứ để xác định lỗi trong vi phạm pháp luật:**

- Lỗi là khả năng nhận thức và là trạng thái tâm lý của chủ thể về hành vi và hậu quả của hành vi trái pháp luật.

- Căn cứ để xác định lỗi trong vi phạm pháp luật đó là yếu tố động cơ mục đích của chủ thể thực hiện hành vi vi phạm. Nếu người không có năng lực hành vi thực hiện hành vi trái pháp luật thì không có lỗi và hành vi đó không được coi là vi phạm pháp luật, người thực hiện hành vi đó không thể bị xử phạt vì dưới cách nhìn của pháp luật người đó không có lỗi.

**\*Phân biệt lỗi cố ý trực tiếp và lỗi cố ý gián tiếp**

- Lỗi cố ý trực tiếp: là chủ thể thực hiện hành vi vi phạm biết trước hậu quả xảy ra đồng thời mong muốn cho hậu quả đó xảy ra.

- Lỗi cố ý gián tiếp: chủ thể thực hiện hành vi vi phạm nhận thức được hậu quả xảy ra tuy không mong muốn nhưng để mặc cho hậu quả đó xảy ra.

- Lỗi vô ý do quá tự tin: chủ thể thực hiện hành vi có thể nhận thức được hậu

quả xảy ra tuy nhiên tin tưởng rằng hậu quả đó không xảy ra và có thể khắc phục được.

- Lỗi vô ý do cấu thả: chủ thể thực hiện hành vi vi phạm pháp luật không nhận thức được hậu quả xảy ra tuy nhiên có thể nhận thức được hoặc buộc phải nhận thức được.

VD: y tá cho bệnh nhân uống thuốc quá liều.

### **Câu 20: Phân tích khái niệm trách nhiệm pháp lý? Các loại trách nhiệm pháp lý?**

#### ***\*Định nghĩa trách nhiệm pháp lý:***

Là sự phản ứng tiêu cực của nhà nước đối với các chủ thể thực hiện vi phạm pháp luật. Sự phản ứng đó thể hiện ở việc áp dụng đối với các chủ thể thực hiện vi phạm pháp luật các biện pháp mang tính chất trừng phạt hoặc khôi phục lại những quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm hại, gây cho chủ thể vi phạm pháp luật những thiệt hại nhất định về vật chất hoặc tinh thần.

#### ***\*Đặc điểm của trách nhiệm pháp lý:***

- Cơ sở thực tế của trách nhiệm pháp lý là vi phạm pháp luật. Chỉ có vi phạm pháp luật mới áp dụng trách nhiệm pháp lý.

- Cơ sở pháp lý của việc truy cứu trách nhiệm pháp lý là quyết định của cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền trên cơ sở giải quyết, xem xét vụ việc vi phạm đã có hiệu lực pháp luật.

- Các biện pháp trách nhiệm pháp lý là một loại biện pháp cưỡng chế của nhà nước đặc thù: mang tính chất trừng phạt hoặc khôi phục lại những quyền lợi bị xâm hại và đồng thời được áp dụng trên cơ sở những quyết định của cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền.

#### ***\*Các loại trách nhiệm pháp lý:***

Căn cứ vào loại vi phạm pháp luật hình sự, dân sự, hành chính, kỷ luật để phân chia các loại trách nhiệm pháp lý:

1. T. nhiệm pháp lý hình sự: là loại nghiêm khắc nhất do toà án hình sự áp dụng đối với cá nhân khi họ phạm tội

2. T.nhiệm pháp lý hành chính: là loại trách nhiệm PL do cơ quan quản lý NN và toà án hành chính áp dụng cho các cá nhân và các tổ chức khi họ vi phạm hành chính.

3. Trách nhiệm pháp lý dân sự: Do toà án và các cơ quan NN áp dụng cho các cá nhân tổ chức khi họ vi phạm dân sự

4. T.nhiệm PL kỷ luật: là loại pháp lý do thủ trưởng cơ quan doanh nghiệp, trường học áp dụng với cán bộ, công nhân viên, học sinh của đơn vị mình khi họ vi phạm kỷ luật.

5. Trách nhiệm vật chất

### **Câu 21: Khái niệm quá trình điều chỉnh PL ? Đối tượng điều chỉnh PL và phương pháp điều chỉnh PL?**

#### ***I.Khái niệm:***

- Đ/c PL là quá trình NN dùng PL tác động lên hành vi của các thành viên trong XH nhằm đạt được mục đích đề ra.

- Sự tác động của PL lên các qhệ XH được diễn ra theo 2 hướng sau:

+ Đối với những qh XH phù hợp với tiến trình PTXH phù hợp với lợi ích của nhân

dân thì PL sẽ bảo vệ và tạo điều kiện cho chúng PT.

+ Đối với những QHXX trái với lợi ích của ND thì PL sẽ kìm hãm và từng bước loại trừ chúng ra khỏi đời sống XH bằng cách áp dụng các biện pháp cưỡng chế của chế tài PL.

### *II. Đối tượng điều chỉnh*

- Là các qhXX có liên quan tới đời sống cộng đồng XH, liên quan tới việc củng cố địa vị và lợi ích của người lao động trên mọi lĩnh vực

- Đối tượng đ/c PL có thể thay đổi theo từng giai đoạn lịch sử, nó phụ thuộc vào ý chí chủ quan của NN và các ĐKKT, CT, VHXH

- Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình đ/c PL:

+ T/c của các qhệ XH

+ ĐK KT, VHXH

+ ý thức PL của ND và của Cán bộ công chức nhà nước

+ Sự thống nhất của hệ thống CT và đặc biệt là sự thống nhất lợi ích giữa các lực lượng trong XH.

+ Sự hoàn thiện của hệ thống PL

### *I. Phương pháp điều chỉnh PL*

- Là những cách thức tác động PL lên các QHXX, Phương pháp điều chỉnh PL chỉ do NN đặt ra và ghi trong các quy phạm PL.

- Phương pháp ĐC PL bao gồm:

+ Phương pháp mệnh lệnh: Là nó được sử dụng để điều chỉnh các QHXX mà trong đó có 1 bên là NN. Địa vị của các bên tham gia vào qhệ đó là không bình đẳng giữa họ tồn tại qhệ chỉ huy và phục tùng.

+ Phương pháp tự định đoạt: (Thảo luận)

Nó dùng để điều chỉnh các QHXX mà các bên tham gia có địa vị Pháp lý bình đẳng với nhau.

## **Câu 22: Khái niệm Cơ chế điều chỉnh PL ?**

*I. Định nghĩa cơ chế Đ/c PL:* Là 1 hệ thống thống nhất các phương tiện, các quy trình pháp lý thông qua đó NN thực hiện sự tác động của PL lên các QHXX nhằm đạt được những mục đích nhiệm vụ đề ra.

### *II. Các yếu tố trong cơ chế điều chỉnh PL:*

1. Quy phạm PL: Trong cơ chế Đ/c PL quy phạm PL có vai trò x/đ những cá nhân những t/c nào trong hoàn cảnh nào mà nó đ/c. Đồng thời nêu ra cách xử lý và bằng cách chỉ ra các quyền và nghĩa vụ cho các chủ thể.

2. Văn bản cá biệt: Có vai trò cụ thể hoá những quy tắc sử dụng chung thành những quy tắc sử dụng cụ thể cho các cá nhân và tổ chức cụ thể mà PL Đ/c.

3. QHPL: Trong cơ chế điều chỉnh PL thì qhPL được biểu hiện ra bằng hành vi thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ thể. Nhờ có QHPL mà làm cho quy phạm PL đi vào cuộc sống.

4. ý thức PL: ý thức PL tham gia vào tất cả các giai đoạn trong cơ chế Đ/c PL. Nó là cơ sở tư tưởng chỉ đạo toàn bộ quá trình điều chỉnh PL.

5. Trách nhiệm PL: TNPL là phương tiện để NN xoá bỏ hiện tượng vi phạm PL nhằm đảm bảo cho cơ chế đ/c PL hoạt động bình thường.

6. Pháp chế XHCN: Pháp chế XHCN là 1 nguyên tắc cơ bản của 1 quá trình Đ/cPL. Nó đòi hỏi mọi hoạt động đ/cPL phải phù hợp với PL. quản lý XH bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế XHCN sẽ xoá bỏ được sự quản lý dựa trên ý chí chủ quan, không tuân theo PL

7. Chủ thể PL: Chủ thể trong cơ chế Đ/cPL có 1 vai trò đặc biệt quan trọng bởi vì chủ thể là người thực hiện đ/cPL và hành vi của chủ thể lại là đối tượng của Đ/cPL

### **Câu 23: Khái niệm hiệu quả của PL ? Các tiêu chuẩn và điều kiện để pháp luật có hiệu quả cao?**

*I. Khái niệm:* HQPL là tính kết quả của quá trình đ/c PL. Vậy nó thể hiện ở mối tương quan giữa kết quả thực tế đạt được do tác động của quy phạm PL và mục đích mong muốn đạt được khi ban hành quy phạm PL đó.

- Như vậy muốn xây dựng hiệu quả PL thì phải xd 2 yếu tố sau:

+ Xđịnh mục đích ban hành QPPL: Mục đích này có thể mức cao hay thấp, quy mô rộng hay hẹp. Đặt ra cho 1 QPPL hay cho ngành luật.

+ xác định k/quả thực tế đạt được do tác động của qui/ph PL : nếu k/quả đạt đc như mục đích mong muốn thì QPPL đc coi là có hiệu quả và ngược lại .

*II. Các t/chuẩn và điều kiện để PL có hiệu quả cao*

1. HQPL phụ thuộc trước hết và ch/yếu vào ch/lượng công việc CQ PL. Vì thế nó đòi hỏi c/bộ của các CQ PL phải thực/h đúng theo cơ chế đ/chính PL

2. HQPL phụ thuộc vào tính cơ sở và hợp lý của QPPL đó là : tính k/học, QPQL phải phù/hvớ sự PTXH (ĐKPTKT, VH, XH ). Phải b/hành đúng lúc, kịp thời, phù hợp với mong muốn của ND

3. ph/thuộc vào tính có ích của QPPL. Đó là k/quả th/tế đạt được khi đ/chính PL. Nó thể/hiện ở gi/trị thực sự của nó trong qu/trình đ/chính PL

4. Ph/thuộc vào tính tiết kiệm : Đó là những c/phí về v/ch, về số/l người th/gia, về t/gian và các c/phí khác có l/quan đến quá trình đ/chính PL. Các c/phí này phải nhỏ nhất nhưng phải đạt được h/quả cao/nh

5. HQPL có l/quan đến c/chế ĐCPL, do đó tất cả các y/tố trong c/chế ĐCPL phải có h/quả cao.

### **Câu 24: Khái niệm hệ/th PL ? Các tiêu chuẩn để đ/giá mức độ h/thiên của hệ/th PL?**

*I. K/n:* HTPL là tổng thể các QPPL có mlh thống/nh với nhau và được phân định thành các chế định PL các ngành luật và được thể/ h trong các VB QP PL do N<sup>2</sup> b/ hành theo những tr/tự và h/thức nh/định. Như vậy cấu trúc của HTPL bao gồm 3 thành tố ở 3 cấp độ khác nhau:

+QP PL

+Chế định PL

+Ng/luat

*II. Những tiêu chuẩn để đ/giá mức độ hoàn thiện của HTPL:*

1. Tính toàn diện

là tiêu/ ch đầu tiên để đ/giá HTPL. Tính toàn diện được thể/h ở 2 cấp độ

-Cấp độ chung

-Cấp cụ thể

a, Cấp độ chung: Nó thể/h trong HTPL phải có đủ các ng/luat

b, Cấp độ cụ thể : Trong mỗi ng/luat đòi hỏi phải có đủ chế định PL và QPPL

2. Tính đồng bộ

Thế/h sự th/nhất của HTPL . Đó là  $K^0$  có sự tr/lập,  $K^0$  ch/ chéo ,  $K^0$  mâu/th. Tính đồng bộ cũng thế/h ở 2 cấp độ chung và cấp độ cụ thể

3.Tính ph/hợp: Nó thế/h ở sự tương quan ph/hợp giữa tr/độ hệ/th PL với tr/độ PT KT, CT,VH, XH, đ/đức, tập/qu, tr/thống của d/tộc và các QPXH khác.

4.Một hệ/th PL hoàn/th phải được XD ở tr/độ K/thuật p/lí cao. HTPL phải thế/ h ở những ng/tắc tối ưu được vạch ra và phải biểu đạt bằng ngôn ngữ p/ lý bằng tính cô đọng logic, ch/ xác và hiểu 1 nghĩa.